

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN HÒA VIỆT NAM

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
(đã được soát xét)

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN HÒA VIỆT NAM

Đường Nguyễn Văn Linh, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh
Vĩnh Phúc, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-31
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11-31



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuân Hòa Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuân Hòa Việt Nam tiền thân là Công ty TNHH MTV Nội thất Xuân Hòa, được thành lập theo quyết định số 5614/QĐ/UBND ngày 07/10/1993 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội. Ngày 31/03/2015, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã đưa ra Quyết định số 1365/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Nội thất Xuân Hòa. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2500161922 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 10 tháng 12 năm 2014, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 02 tháng 11 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đường Nguyễn Văn Linh, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đào Đức Chính	Chủ tịch	
Ông Lê Duy Anh	Ủy viên	
Bà Đặng Thanh Thùy	Ủy viên	
Ông Lê Việt Bằng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27/03/2017
Ông Trần Minh Hoàng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 27/03/2017
Ông Đoàn Hương Sơn	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Duy Anh	Tổng Giám đốc
Bà Đặng Thanh Thùy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Minh Hoàng	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thu Hiền	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Đức Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/03/2017
Bà Đào Ngọc Thu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/03/2017
Bà Hồ Thị Thu Hiền	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/03/2017
Ông Hoàng Ân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/03/2017

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Văn phòng Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lê Duy Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2017

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuân Hòa Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Văn phòng Công ty Cổ phần Xuân Hòa Việt Nam được lập ngày 16 tháng 07 năm 2017, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Văn phòng Công ty Cổ phần Xuân Hòa Việt Nam tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 do Công ty TNHH Kiểm toán An Việt phát hành đưa ý kiến ngoại trừ về vấn đề không thu thập được các tài liệu cần thiết để có thể đánh giá về giá trị thuần của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Nhuệ Giang cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Căn cứ trên các thông tin thu thập được tại thời điểm thực hiện soát xét, chúng tôi nhận thấy vấn đề này không còn ảnh hưởng trọng yếu đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2017 của Công ty.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		153.306.807.541	138.186.753.316
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	16.049.462.783	29.481.772.129
111	1. Tiền		16.049.462.783	19.481.772.129
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	10.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	15.000.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		15.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		55.035.898.569	42.837.616.463
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	37.676.558.673	37.100.243.151
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	16.553.146.273	4.571.107.780
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	959.741.278	1.319.813.187
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(201.142.445)	(201.142.445)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		47.594.790	47.594.790
140	IV. Hàng tồn kho	9	66.576.395.440	64.640.502.547
141	1. Hàng tồn kho		66.576.395.440	64.640.502.547
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		645.050.749	1.226.862.177
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	645.050.749	549.285.396
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	-	677.576.781
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		171.169.754.097	179.265.532.897
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		58.526.377.479	58.526.377.479
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	58.526.377.479	58.526.377.479
220	II. Tài sản cố định		93.516.233.098	98.807.658.473
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	93.236.821.026	98.458.975.147
222	- Nguyên giá		246.153.556.213	241.519.229.981
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(152.916.735.187)	(143.060.254.834)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	279.412.072	348.683.326
228	- Nguyên giá		2.609.309.368	2.609.309.368
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.329.897.296)	(2.260.626.042)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	843.659.783
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	843.659.783
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	15.830.699.586	15.830.699.586
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		15.830.699.586	15.830.699.586
260	VI. Tài sản dài hạn khác		3.296.443.934	5.257.137.576
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	3.296.443.934	5.257.137.576
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		324.476.561.638	317.452.286.213

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		114.292.315.042	107.224.833.381
310	I. Nợ ngắn hạn		67.958.863.702	60.891.382.041
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	24.394.934.887	29.674.830.957
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	19.066.637.517	2.447.746.020
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	2.383.559.107	3.662.655.691
314	4. Phải trả người lao động		4.935.188.145	9.879.908.075
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	359.368.967	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	13.889.284.144	11.979.006.351
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.929.890.935	3.247.234.947
330	II. Nợ dài hạn		46.333.451.340	46.333.451.340
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	46.333.451.340	46.333.451.340
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		210.184.246.596	210.227.452.832
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	210.184.246.596	210.227.452.832
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		201.000.000.000	201.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		201.000.000.000	201.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		9.184.246.596	9.227.452.832
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		767.452.832	2.331.735.235
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		8.416.793.764	6.895.717.597
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		324.476.561.638	317.452.286.213

Nguyễn Văn Thu
Người lập

Trần Minh Hoàng
Kế toán trưởng



Lê Duy Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	168.596.931.318	162.943.687.396
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	834.585.444	2.033.481.207
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		167.762.345.874	160.910.206.189
11	4. Giá vốn hàng bán	22	131.433.315.957	125.223.571.509
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		36.329.029.917	35.686.634.680
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	339.985.171	376.324.710
22	7. Chi phí tài chính	24	233.646.089	468.608.061
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	43.246.542
25	8. Chi phí bán hàng	25	11.601.174.598	12.598.077.546
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	14.328.690.156	19.040.536.223
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		10.505.504.245	3.955.737.560
31	11. Thu nhập khác		15.488.055	1.108.299.114
32	12. Chi phí khác		-	640.823.015
40	13. Lợi nhuận khác		15.488.055	467.476.099
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.520.992.300	4.423.213.659
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	2.104.198.536	884.642.732
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		8.416.793.764	3.538.570.927

Nguyễn Văn Thu
Người lập

Trần Minh Hoàng
Kế toán trưởng



Lê Duy Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		10.520.992.300	4.423.213.659
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		9.856.480.353	10.199.370.474
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(270.894.952)	(819.113.634)
06	- Chi phí lãi vay		-	43.246.542
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		20.106.577.701	13.846.717.041
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(11.520.705.325)	13.142.233.462
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(1.935.892.893)	(1.899.745.414)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		8.460.947.268	(71.120.085.687)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.864.928.289	5.974.696.428
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	(43.246.542)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.180.320.131)	(157.946.888)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		690.673.709	1.036.265.615
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.525.086.684)	(3.040.425.038)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		11.961.121.934	(42.261.537.023)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(4.634.326.232)	(1.891.497.124)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	1.090.554.546
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(15.000.000.000)	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		270.894.952	369.372.569
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(19.363.431.280)	(431.570.009)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	10.131.131.067
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		-	(17.030.434.609)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(6.030.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(6.030.000.000)	(6.899.303.542)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(13.432.309.346)	(49.592.410.574)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		29.481.772.129	67.622.491.763
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>16.049.462.783</u>	<u>18.030.081.189</u>



Nguyễn Văn Thu
Người lập



Trần Minh Hoàng
Kế toán trưởng



Lê Duy Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuân Hòa Việt Nam tiền thân là Công ty TNHH MTV Nội thất Xuân Hòa, được thành lập theo quyết định số 5614/QĐ/UBND ngày 07/10/1993 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội. Ngày 31/03/2015, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã đưa ra Quyết định số 1365/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Nội thất Xuân Hòa. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2500161922 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 10 tháng 12 năm 2014, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 02 tháng 11 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đường Nguyễn Văn Linh, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 201.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 201.000.000.000 đồng; tương đương 20.100.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về nội thất

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất giường, tủ, bàn ghế;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ dùng kim loại thông dụng;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân loại vào đâu (chi tiết: Sản xuất thiết bị văn phòng bằng kim loại; cửa an toàn; kết sắt, hộp và ống tuýp có thể gấp lại được, đinh tán, vòng đệm và các sản phẩm không ren tương tự; đinh vít, bulong, đai ốc và các sản phẩm có ren tương tự);
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân loại vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh tại thành phố Hà Nội - Công ty Cổ phần Xuân Hòa Việt Nam	Thành phố Hà Nội	Kinh doanh các mặt hàng nội thất
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Xuân Hòa Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh các mặt hàng nội thất

Thông tin về các công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào công ty liên kết được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	02 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 04 năm

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 3 năm.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.16 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền mặt	2.453.051	5.148.383
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.047.009.732	19.476.623.746
Các khoản tương đương tiền	-	10.000.000.000
	<u><u>16.049.462.783</u></u>	<u><u>29.481.772.129</u></u>

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN HÒA VIỆT NAM

Đường Nguyễn Văn Linh, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-
	<u>15.000.000.000</u>	<u>15.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

Tại thời điểm 30/06/2017, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với lãi suất 5,5%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên kết	15.830.699.586	-	15.830.699.586	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Nhuệ Giang	3.300.000.000	-	3.300.000.000	-
- Công ty TNHH Toyota Boshoku Hà Nội	12.530.699.586	-	12.530.699.586	-
	<u>15.830.699.586</u>	<u>-</u>	<u>15.830.699.586</u>	<u>-</u>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2017 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Nhuệ Giang	Thành phố Hà Nội	30,00%	30,00%	Bất động sản
- Công ty TNHH Toyota Boshoku Hà Nội	Tỉnh Vĩnh Phúc	30,00%	30,00%	Sản xuất kinh doanh các sản phẩm nội thất ô tô

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN HÒA VIỆT NAM

Đường Nguyễn Văn Linh, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

b) Phải thu dài hạn khác

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Toyota Boshoku Hà Nội ⁽¹⁾	50.139.452.822	-	50.139.452.822	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Quân Anh ⁽²⁾	8.386.924.657	-	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Ba Đình ⁽²⁾	-	-	8.386.924.657	-
	58.526.377.479	-	58.526.377.479	-

(1): Đây là giá trị còn lại phần lợi nhuận chưa phân phối tại Công ty TNHH Toyota Boshoku Hà Nội (bên liên kết của Công ty) theo quyết định số 1365/QĐ-UBND ngày 31/03/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Nội thất Xuân Hòa và quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 18/03/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm chuyển Công ty TNHH MTV Nội thất Xuân Hòa thành Công ty Cổ phần Xuân Hòa Việt Nam và chi phí cổ phần hóa.

(2): Đây là khoản hỗ trợ bồi thường di dời cho Công ty Cổ phần Xuân Hòa Việt Nam thực hiện phương án di dời cơ sở sản xuất theo biên bản làm việc số 14/2011/BBLV-XH-BĐ-NG ngày 04/01/2011.

8 . NỢ XẤU

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
- Công ty TNHH Thăng Phát	363.349.696	181.674.848	363.349.696	181.674.848
- Các khoản khác	42.380.794	22.913.198	42.380.794	22.913.198
	405.730.490	204.588.046	405.730.490	204.588.046

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	419.095.320	-
Nguyên liệu, vật liệu	29.254.192.180	-	28.515.049.108	-
Công cụ, dụng cụ	454.607.813	-	344.668.580	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	20.805.738.646	-	20.969.141.801	-
Thành phẩm	14.780.424.309	-	13.484.627.128	-
Hàng hoá	1.281.432.492	-	907.920.610	-
	66.576.395.440	-	64.640.502.547	-

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	80.077.625.554	145.278.874.421	11.629.198.174	4.533.531.832	241.519.229.981
- Mua trong kỳ	-	2.354.074.679	295.524.281	-	2.649.598.960
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.984.727.272	-	-	-	1.984.727.272
Số dư cuối kỳ	82.062.352.826	147.632.949.100	11.924.722.455	4.533.531.832	246.153.556.213
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	38.192.451.855	95.727.740.340	5.681.016.834	3.459.045.805	143.060.254.834
- Khấu hao trong kỳ	2.627.702.205	6.333.207.510	676.719.247	218.851.391	9.856.480.353
Số dư cuối kỳ	40.820.154.060	102.060.947.850	6.357.736.081	3.677.897.196	152.916.735.187
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	41.885.173.699	49.551.134.081	5.948.181.340	1.074.486.027	98.458.975.147
Tại ngày cuối kỳ	41.242.198.766	45.572.001.250	5.566.986.374	855.634.636	93.236.821.026

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 57.299.972.139 đồng.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN HÒA VIỆT NAM

Đường Nguyễn Văn Linh, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Toàn bộ tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính với nguyên giá và giá trị còn lại tại thời điểm cuối kỳ lần lượt là 2.609.309.368 đồng và 279.412.072 đồng. Khấu hao trong giai đoạn 6 tháng đầu năm 2017 là 69.271.254 đồng.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	487.244.506	488.640.346
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	157.806.243	60.645.050
	645.050.749	549.285.396
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.051.744.480	781.108.792
Lợi thế kinh doanh	1.466.506.863	3.666.267.159
Tiền thuê đất	761.656.973	809.761.625
Chi phí trả trước dài hạn khác	16.535.618	-
	3.296.443.934	5.257.137.576

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty TNHH Nippon steel & Sumikin Bussan Việt Nam	1.840.656.290	1.840.656.290	-	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương Mại Nam Hải	1.563.302.498	1.563.302.498	670.040.285	670.040.285
Phải trả các đối tượng khác	20.990.976.099	20.990.976.099	29.004.790.672	29.004.790.672
	24.394.934.887	24.394.934.887	29.674.830.957	29.674.830.957

14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Nội thất và Thiết bị kỹ thuật Hà Nội	14.000.000.000	72.074.695
Đại lý ông Trần Văn Hải	1.705.978.526	-
Công ty CP Thăng Long (TALIMEX)	1.495.305.754	-
Công ty CP thương mại và truyền thông VINASING	654.500.000	-
B' Sourcing Limited (Habitat)	484.812.546	1.561.471.470
Các đối tượng khác	726.040.691	814.199.855
	19.066.637.517	2.447.746.020

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	707.017.844	3.111.442.579	3.309.782.968	-	508.677.455
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	25.623.617	25.623.617	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.920.863.247	2.104.198.536	3.180.320.131	-	1.844.741.652
Thuế Thu nhập cá nhân	-	34.774.600	417.140.781	421.775.381	-	30.140.000
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	6.843.966.292	6.843.966.292	-	-
Các loại thuế khác	677.576.781	-	681.576.781	4.000.000	-	-
	677.576.781	3.662.655.691	13.183.948.586	13.785.468.389	-	2.383.559.107

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN HÒA VIỆT NAM

Đường Nguyễn Văn Linh, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Chi phí tổ chức hội nghị khách hàng	305.508.000	-
- Chi phí phải trả khác	53.860.967	-
	359.368.967	-

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	1.800.100	1.800.100
- Kinh phí công đoàn	72.516.070	182.386.609
- Bảo hiểm xã hội	759.106.477	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.623.000.000	-
- Phải trả về thưởng đại lý 2016	1.492.000.000	1.492.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.940.861.497	10.302.819.642
	13.889.284.144	11.979.006.351
b) Dài hạn		
- Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (*)	46.333.451.340	46.333.451.340
	46.333.451.340	46.333.451.340

(*): Đây là khoản phải trả Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội theo Quyết định số 1365/QĐ-UBND ngày 31/03/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Nội thất Xuân Hòa tại thời điểm ngày 01/07/2014. Theo đó, cho phép không tính tăng phần lợi nhuận chưa phân phối tại Công ty Liên doanh TNHH Toyota Boshoku là 99.345.451.340 đồng vào vốn nhà nước tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp. Công ty cổ phần có trách nhiệm theo dõi thu hồi khoản lợi nhuận này từ nguồn lợi nhuận được chi hàng năm của liên doanh. Trong năm 2016, công ty đã sử dụng nguồn lợi nhuận được chia từ bên liên doanh để trả cho Ủy ban nhân dân thành phố số tiền 53.012.000.000 đồng.

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	201.000.000.000	2.331.735.235	203.331.735.235
Lãi/lỗ trong kỳ trước	-	3.538.570.927	3.538.570.927
Số dư cuối kỳ trước	201.000.000.000	5.870.306.162	206.870.306.162
Số dư đầu năm nay	201.000.000.000	9.227.452.832	210.227.452.832
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	8.416.793.764	8.416.793.764
Phân phối lợi nhuận	-	(8.460.000.000)	(8.460.000.000)
Số dư cuối kỳ này	201.000.000.000	9.184.246.596	210.184.246.596

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN HÒA VIỆT NAM

Đường Nguyễn Văn Linh, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01-NQ/CPXH ngày 27 tháng 03 năm 2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	<u>Số tiền</u>	
	VND	
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	500.000.000	
Trích Quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty	1.930.000.000	
Chi trả cổ tức (bằng 3% vốn điều lệ)	6.030.000.000	
b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu		
	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Cuối kỳ</u>
	(%)	VND
	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
	(%)	VND
Công ty Cổ phần VAC Việt Nam	27,00%	54.270.000.000
Ông Đoàn Hương Sơn	11,53%	23.183.230.000
Bà Bùi Thị Hiền	14,34%	28.832.480.000
- Các cổ đông khác	47,12%	94.714.290.000
	<u>100%</u>	<u>201.000.000.000</u>
	<u>100%</u>	<u>201.000.000.000</u>
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		
	<u>6 tháng đầu năm</u>	<u>6 tháng đầu năm</u>
	2017	2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	201.000.000.000	201.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	201.000.000.000	201.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	201.000.000.000	201.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	6.030.000.000	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	6.030.000.000	-
d) Cổ phiếu		
	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.100.000	20.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.100.000	20.100.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.100.000	20.100.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.100.000	20.100.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.100.000	20.100.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
Ngoại tệ các loại		
	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	359.283,95	269.192,82

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN HÒA VIỆT NAM

Đường Nguyễn Văn Linh, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	6.607.413.093	4.151.179.449
Doanh thu bán thành phẩm	161.773.848.084	158.792.507.947
Doanh thu lĩnh vực khác	215.670.141	-
	168.596.931.318	162.943.687.396

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	657.653.433	1.669.032.710
Hàng bán bị trả lại	176.932.011	364.448.497
	834.585.444	2.033.481.207

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	5.612.896.211	1.546.361.654
Giá vốn của thành phẩm đã bán	125.791.659.774	123.677.209.855
Giá vốn của lĩnh vực khác	28.759.972	-
	131.433.315.957	125.223.571.509

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	270.894.952	269.644.260
Lãi phải thu các đại lý vi phạm quy chế thanh toán	55.355.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	13.735.219	106.680.450
	339.985.171	376.324.710

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	43.246.542
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	224.809.458	280.429.213
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	8.834.651	144.900.713
Chi phí tài chính khác	1.980	31.593
	233.646.089	468.608.061

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	102.019.449	400.674.856
Chi phí nhân công	2.779.721.000	1.540.526.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	281.413.506	314.270.652
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.303.574.770	4.360.344.369
Chi phí khác bằng tiền	6.134.445.873	5.982.261.669
	11.601.174.598	12.598.077.546

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	349.616.073	565.401.013
Chi phí nhân công	5.513.166.984	6.667.579.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.299.255.421	1.518.859.525
Thuế, phí, lệ phí	702.868.623	884.679.138
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.083.044.418	1.053.547.518
Chi phí khác bằng tiền	5.380.738.637	8.350.470.029
	14.328.690.156	19.040.536.223

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.520.992.300	4.423.213.659
Thu nhập chịu thuế TNDN	10.520.992.300	4.423.213.659
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.104.198.536	884.642.732
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	2.920.863.247	157.946.888
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(3.180.320.131)	(157.946.888)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	1.844.741.652	884.642.732

28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	102.862.534.880	94.914.058.461
Chi phí nhân công	22.240.163.431	20.198.413.050
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.925.751.607	10.199.370.474
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.840.066.160	17.929.137.579
Chi phí khác bằng tiền	12.086.115.762	15.308.978.130
	156.954.631.840	158.549.957.695

29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Văn phòng Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.049.462.783	-	29.481.772.129	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	97.162.677.430	(201.142.445)	96.946.433.817	(201.142.445)
Đầu tư ngắn hạn	15.000.000.000	-	-	-
	128.212.140.213	(201.142.445)	126.428.205.946	(201.142.445)
			Giá trị sổ kế toán	
			30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán, phải trả khác			84.617.670.371	87.987.288.648
Chi phí phải trả			359.368.967	-
			84.977.039.338	87.987.288.648

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.049.462.783	-	-	16.049.462.783
Phải thu khách hàng, phải thu khác	38.435.157.506	58.526.377.479	-	96.961.534.985
Các khoản cho vay	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000
	69.484.620.289	58.526.377.479	-	128.010.997.768
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.481.772.129	-	-	29.481.772.129
Phải thu khách hàng, phải thu khác	38.218.913.893	58.526.377.479	-	96.745.291.372
	67.700.686.022	58.526.377.479	-	126.227.063.501

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2017				
Phải trả người bán, phải trả khác	38.284.219.031	46.333.451.340	-	84.617.670.371
Chi phí phải trả	359.368.967	-	-	359.368.967
	<u>38.643.587.998</u>	<u>46.333.451.340</u>	<u>-</u>	<u>84.977.039.338</u>
Tại ngày 01/01/2017				
Phải trả người bán, phải trả khác	41.653.837.308	46.333.451.340	-	87.987.288.648
	<u>41.653.837.308</u>	<u>46.333.451.340</u>	<u>-</u>	<u>87.987.288.648</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

31 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Do Văn phòng Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh các mặt hàng nội thất và chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.405.377.348	1.558.415.263

33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Kiểm toán An Việt kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 do Công ty lập.

Nguyễn Văn Thu
Người lập

Trần Minh Hoàng
Kế toán trưởng



Lê Duy Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2017